

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 (đợt 3) thực hiện nội dung hỗ trợ đất ở, hỗ trợ nhà ở của Dự án 1 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số

18/2023/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2023 về sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021; Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Nghị quyết số 258/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung Điều 6 và một số nội dung phụ lục ban hành kèm theo quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 258/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Nghị quyết số 370/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 về phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 (đối với những nguồn vốn chưa chi tiết đến danh mục, đơn vị) và năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Nghị

*quyết số 512/NQ-HĐND ngày 14 tháng 3 năm 2024 về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 (đợt 3) thực hiện nội dung hỗ trợ đất ở, hỗ trợ nhà ở của Dự án 1 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Theo đề nghị của Ban Dân tộc tại Tờ trình số 19/TTr-BDT ngày 28 tháng 3 năm 2024 về việc ban hành Quyết định giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 (đợt 3) thực hiện nội dung hỗ trợ đất ở, hỗ trợ nhà ở của Dự án 1 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 (đợt 3) thực hiện nội dung hỗ trợ đất ở, hỗ trợ nhà ở của Dự án 1 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây gọi là Chương trình), với những nội dung sau:

Tổng số vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 phân bổ cho nội dung hỗ trợ đất ở, hỗ trợ nhà ở của Dự án 1 thuộc Chương trình: 67.345 triệu đồng (bao gồm cả 13.560 triệu đồng nguồn vốn năm 2022 đã phân bổ chi tiết cho nội dung hỗ trợ nhà ở), cụ thể:

- Số vốn hỗ trợ đất ở là 14.115 triệu đồng.
- Số vốn hỗ trợ nhà ở là 53.230 triệu đồng.

## **Điều 2. Tổ chức triển khai thực hiện**

### **1. Ban Dân tộc**

a) Căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các quy định của pháp luật về đầu tư công, thông báo danh mục, mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện nội dung hỗ trợ đất ở, hỗ trợ nhà ở của Dự án 1 thuộc Chương trình cho các đơn vị để triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.

b) Trên cơ sở kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 nêu trên; căn cứ các quy định hiện hành của pháp luật, chủ trì, phối hợp các sở, ngành, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch phân bổ vốn đầu tư phát triển hằng năm của Chương trình, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh đảm bảo theo quy định.

c) Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng và phát huy hiệu quả đầu tư.

## 2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Ban Dân tộc tổng hợp nhu cầu đầu tư kế hoạch vốn hằng năm của Chương trình vào kế hoạch đầu tư công của cả tỉnh, báo cáo UBND tỉnh, HĐND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính đảm bảo theo quy định.

## 3. Sở Tài chính

a) Hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc các chủ đầu tư, các đơn vị liên quan lập hồ sơ, thủ tục thanh toán, quyết toán vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình hằng năm theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu bố trí vốn đối ứng nguồn ngân sách tỉnh hằng năm để thực hiện Chương trình đảm bảo theo quy định của pháp luật và Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của HĐND tỉnh; Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Kho Bạc Nhà nước Thanh Hóa thực hiện kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc giải ngân của các chủ đầu tư, chỉ cho phép giải ngân khi đảm bảo đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định, phù hợp với mục tiêu đầu tư theo các quyết định giao kế hoạch chi tiết của UBND tỉnh.

5. UBND các huyện, thị xã: Căn cứ mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định này, chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với mức vốn được giao; hằng năm căn cứ mức vốn đầu tư được UBND tỉnh giao và hướng dẫn của Ban Dân tộc để hướng dẫn UBND các xã, thị trấn, các đơn vị có liên quan rà soát đối tượng thụ hưởng và thực hiện các thủ tục hỗ trợ đảm bảo đúng quy trình, đúng đối tượng, trên cơ sở sự thống nhất cao của cộng đồng.

6. Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thanh Hóa: Căn cứ vào danh sách đối tượng được thụ hưởng do Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã phê duyệt, chỉ đạo các phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thị xã phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn hồ sơ vay vốn, quy trình và thủ tục cho vay theo quy định (nếu có); kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn và trả nợ của đối tượng vay vốn, đảm bảo vay vốn đúng mục đích, hiệu quả và khả năng thu hồi vốn vay.

7. Ban Dân tộc; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa và các ngành, đơn vị liên quan, căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc các chủ đầu tư và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, cấp tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa; Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 Quyết định;
- Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính (để b/c);
- Ủy ban Dân tộc (để b/c);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH, KTTC, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đâu Thanh Tùng**

**Phụ lục**  
**GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**  
**GIAI ĐOẠN 2021-2025 (ĐỢT 3) CỦA DỰ ÁN 1: NỘI DUNG HỖ TRỢ ĐẤT Ở, HỖ TRỢ NHÀ Ở**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Trong đó:									Ghi chú
		Tổng cộng	Hỗ trợ đất ở	Hỗ trợ nhà ở	Kế hoạch vốn năm 2022	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2024-2025								
						Nhu cầu cần hỗ trợ giai đoạn 2024-2025		Điểm số			Kế hoạch vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2024-2025			
						Hỗ trợ đất ở (hộ)	Hỗ trợ nhà ở (hộ)	Hỗ trợ đất ở (0,4 điểm/hộ)	Hỗ trợ nhà ở (0,4 điểm/hộ)	Tổng điểm	Hỗ trợ đất ở	Hỗ trợ nhà ở	Tổng cộng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	<b>Tổng</b>	<b>67.345</b>	<b>14.115</b>	<b>53.230</b>	<b>13.560</b>	<b>1.142</b>	<b>3.235</b>	<b>455,2</b>	<b>1.293,6</b>	<b>1.748,8</b>	<b>14.115</b>	<b>39.670</b>	<b>53.785</b>	
1	Huyện Mường Lát	2.686	80	2.606	1.000	2	131		52,4	52,4	80	1.606	1.686	
2	Huyện Quan Sơn	3.318		3.318	720		212		84,8	84,8		2.598	2.598	
3	Huyện Quan Hóa	7.956	2.182	5.774	920	178	396	71,2	158,4	229,6	2.182	4.854	7.036	
4	Huyện Bá Thước	8.792	80	8.712	1.880	6	558	2,4	223,2	225,6	80	6.832	6.912	
5	Huyện Lang Chánh	8.697	2.525	6.172	1.000	206	422	82,4	168,8	251,2	2.525	5.172	7.697	
6	Huyện Thường Xuân	12.805	2.182	10.623	1.480	178	746	71,2	298,4	369,6	2.182	9.143	11.325	
7	Huyện Như Xuân	8.366	4.657	3.709	1.000	380	221	152,0	88,4	240,4	4.657	2.709	7.366	
8	Huyện Như Thanh	3.299	1.373	1.926	1.240	112	56	44,8	22,4	67,2	1.373	686	2.059	

